

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
NHÀ HÀ NỘI
CÔNG TY XÂY DỰNG VÀ ỨNG DỤNG CÔNG
NGHỆ MỚI

*BIÊN BẢN KIỂM TOÁN
VỀ KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2011*

KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2011
TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ HÀ NỘI
CÔNG TY XÂY DỰNG VÀ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ MỚI

BIÊN BẢN HỌP

Thành viên tham dự

AASC Ông: Đinh Xuân Cường
Bà: Trần Phương Thúy
Bà: Trần Thị Lý

CT20 Ông: Nguyễn Đức Thắng
Bà: Phú Thị Kim Thu

Thời gian/Địa điểm

Công ty Xây dựng và Ứng dụng Công nghệ mới – CT20

Ngày bắt đầu

Ngày kết thúc

Nội dung cuộc họp

Báo cáo sơ bộ kết quả kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

TT	Vấn đề	Nội dung thảo luận và khuyến nghị
2	Kế toán công nợ phải thu, phải trả	<p>Thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none">Công ty chưa thu thập đầy đủ các biên bản đối chiếu công nợ phải thu, phải trả tại thời điểm 31/12/2011. Tỷ lệ đối chiếu công nợ tại thời điểm 31/12/2011: Tài khoản 131- 45% Tài khoản 138- phải thu khác: 35% Tài khoản 141- tạm ứng: 25% Tài khoản 331- Phải trả người bán: 60%Số dư các khoản công nợ tạm ứng tại thời điểm 31/12/2011 là 12.680.188.627 đồng. Đây chủ yếu là tiền tạm ứng cho Xí nghiệp từ năm 2008 trở về trước. Nhiều đối tượng có số dư nợ lớn, tồn đọng nhiều năm nhưng chưa được hoàn ứng và chưa được đối chiếu số dư tại thời điểm 31/12/2010. Với những tài liệu Công ty hiện cung cấp, chúng tôi không có đầy đủ cơ sở xác định tính chính xác của các khoản công nợ tạm ứng và phải thu khác, cụ thể như sau:

KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2011
TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ HÀ NỘI
CÔNG TY XÂY DỰNG VÀ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ MỚI

Đối tượng	Tổng số dư cuối kỳ	Số dự phòng phải trích	Số đơn vị đã trích	Số còn phải trích
Hoàng Khanh Diệp	20.000.000	6.000.000		6.000.000
Hoàng Việt Dũng - Đội 2	83.844.674	41.922.337	25.153.402	16.768.935
Nguyễn Thái Châu XN6	89.555.917	26.866.775		26.866.775
Nguyễn Thị Thanh Nga	182.707.643	54.812.293		54.812.293
Nguyễn Xuân Đông - GĐXN7	50.997.235	15.299.171		15.299.171
Nguyễn Đức Anh - GĐXN1	2.297.035.595	1.148.517.798	689.110.679	459.407.119
Nguyễn Đức Long - GĐXN4	2.631.696.300	1.315.848.150	558.296.515	757.551.635
Trần Mạnh Hùng - GĐXN2	2.389.731.649	1.194.865.825	716.919.495	477.946.330
văn phòng công ty	174.389.475	87.194.738	52.316.843	34.877.895
Đỗ Văn Lộc	25.215.000	7.564.500		7.564.500
Đỗ Văn Quang - GĐXN5	677.181.496	338.590.748	201.368.085	137.222.663
Hoàng Tuấn Việt - GĐXN3	3.756.740.492	1.878.370.246	1.045.284.069	833.086.177
TỔNG	12.379.095.476	6.115.852.579	3.288.449.088	2.827.403.491

Công nợ phải thu khác:

Đối tượng	Tổng số dư cuối kỳ	Số thời gian dự công nợ	Tỷ lệ trích lập	Số dự phòng phải trích	Số đơn vị đã trích	Số còn phải trích
Cao Văn Kiên	701.190	trên 3 năm	100%	701.190		701.190
Dương Hoàng Chung	3.734.280	trên 3 năm	100%	3.734.280		3.734.280
Hoàng Kim Thu	2.468.475	trên 3 năm	100%	2.468.475		2.468.475
Hoàng Việt Dũng - Đội 2	1.122.043.795	trên 3 năm	100%	1.122.043.795	567.854.550	554.189.245
Nguyễn Thái Châu XN6	155.484.588	trên 3 năm	100%	155.484.588		155.484.588
Nguyễn Thị Hải - KTT	7.572.290	trên 3 năm	100%	7.572.290		7.572.290
Nguyễn Xuân Đông - GĐXN7	112.830.250	trên 2 năm	70%	78.981.175	50.136.100	28.845.075
Nguyễn Đức Anh - GĐXN1	1.831.616.221	trên 2 năm	70%	1.282.131.355	319.797.731	962.333.624
Trần Công Tuyên	1.103.760	trên 2 năm	70%	772.632		772.632
Trần Hữu Tấn	277.289	trên 2 năm	70%	194.102		194.102
Trần thị ánh Ngọc	71.550	trên 2 năm	70%	50.085		50.085
Trịnh Bá Duy	486.837	trên 2 năm	70%	340.786		340.786
Đào Khánh Toàn	2.682.648	trên 2 năm	70%	1.877.854	1.671.600	206.254
Trần Mạnh Hùng - GĐXN2	1.774.479.809.00	trên 3 năm	100%	1.774.479.809	806.157.573	968.322.236
Hoàng Tuấn Việt - Giám đốc XN3	1.518.811.487	trên 2 năm	70%	1.063.168.041	386.327.712	676.840.329
Nguyễn Đức Long - Giám đốc XN4	977.118.549	trên 3 năm	100%	977.118.549	319.970.928	657.147.621
Đỗ Văn Quang - Giám đốc XN5	1.058.537.506	trên 3 năm	100%	1.058.537.506	362.940.929	695.596.577
TỔNG	8.570.020.524			7.529.656.511	2.814.857.123	4.714.799.388

Công nợ phải thu khách hàng:

KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2011
TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ HÀ NỘI
CÔNG TY XÂY DỰNG VÀ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ MỚI

Đối tượng	Tổng số dư cuối kỳ	Số thời gian dự công nợ	Tỷ lệ trích lập	Số dự phòng phải trích	Số đơn vị đã trích	Số còn phải trích
CT TNHH & XD Hiếu Trung	160,000,000	trên 3 năm	100%	160,000,000	-	160,000,000
CT TNHH Chế biến lâm sản Phúc Xuân	3,857,360	trên 3 năm	100%	3,857,360	-	3,857,360
CT TNHH Thương Mại Anh Linh	55,473,600	trên 3 năm	100%	55,473,600	-	55,473,600
CT TNHH Điện Nam Á	130,817,000	trên 3 năm	100%	130,817,000	-	130,817,000
CT TNHH Đại Phú	19,426,061	trên 3 năm	100%	19,426,061	-	19,426,061
CT TNHH Đức Nga	23,129,436	trên 3 năm	100%	23,129,436	-	23,129,436
Cty CP SX & Đầu tư xây dựng Hà Nội	335,094,295	trên 3 năm	100%	335,094,295	-	335,094,295
Cty TNHH TM & Vận tải Hùng dũng	10,000,000	trên 3 năm	100%	10,000,000	-	10,000,000
Cty TNHH TM & XD Hoàng an	17,000,000	trên 3 năm	100%	17,000,000	-	17,000,000
Cty TNHH trang trí nội thất Việt	15,000,000	trên 3 năm	100%	15,000,000	-	15,000,000
Cty TNHH đầu tư & phát triển ánh Ngọc	4,195,775	trên 3 năm	100%	4,195,775	-	4,195,775
Cty XD cấp thoát nước và HTKT công CP Xây lắp và sản xuất cơ khí	328,607,000	trên 3 năm	100%	328,607,000	-	328,607,000
Phú Cường	22,999,600	trên 3 năm	100%	22,999,600	-	22,999,600
Công ty gốm XD Hữu Hưng	53,471,017	trên 3 năm	100%	53,471,017	-	53,471,017
Công ty CP ĐT & TK kiến trúc XD Thăng Long	105,000,000	trên 3 năm	100%	105,000,000	-	105,000,000
Công ty cổ phần XD Hà Phương	10,000,000	trên 3 năm	100%	10,000,000	-	10,000,000
Công ty liên doanh XD & VLXD Sun way Hà Tây	8,569,290	trên 3 năm	100%	8,569,290	-	8,569,290
Công ty TM kỹ thuật DV Tổng hợp	25,000,000	trên 3 năm	100%	25,000,000	-	25,000,000
Công ty TNHH ĐT & TM Hải Vân	227,559,167	trên 3 năm	100%	227,559,167	-	227,559,167
Công ty TNHH Thương mại và XD Hà Thanh	65,000,000	trên 3 năm	100%	65,000,000	-	65,000,000
Công ty TNHH TM & XD Long Dương	20,000,000	trên 3 năm	100%	20,000,000	-	20,000,000
Công ty TNHH Trí Hưng	14,353,820	trên 3 năm	100%	14,353,820	-	14,353,820
Công ty XLCN và TM hải Hà	28,775,200	trên 3 năm	100%	28,775,200	-	28,775,200
Công ty Xây dựng dân dụng và Công nghiệp Delta	300,000,000	trên 3 năm	100%	300,000,000	-	300,000,000
Cơ sở sản xuất vật liệu XD Tiên du Bắc ninh	66,400,000	trên 3 năm	100%	66,400,000	-	66,400,000
Cửa hàng đại lý sơn cấp 1 ICI Định Trâm	9,000,000	trên 3 năm	100%	9,000,000	-	9,000,000
Doanh nghiệp tư nhân Tuyệt Hạnh	60,000,000	trên 3 năm	100%	60,000,000	-	60,000,000
Doanh nghiệp tư nhân VLXD Tuấn Thịnh	10,905,345	trên 3 năm	100%	10,905,345	-	10,905,345
Nguyễn Thế Quang	81,473,600	trên 3 năm	100%	81,473,600	-	81,473,600
Nguyễn Văn Thắng	8,015,390	trên 3 năm	100%	8,015,390	-	8,015,390
Nhà máy gạch tuynen lương Sơn	14,776,000	trên 3 năm	100%	14,776,000	-	14,776,000
TT thí nghiệm, kiểm định và giám sát CLCTGT	100,000,000	trên 3 năm	100%	100,000,000	-	100,000,000
Xí nghiệp bán lẻ xăng dầu	30,542,000	trên 3 năm	100%	30,542,000	-	30,542,000
TỔNG	2,364,440,956			2,364,440,956		2,364,440,956

Qua xem xét số dư các khoản tạm ứng, phải thu khác lớn như trên là do tạm ứng vượt giá trị quyết toán, chưa hoàn ứng đã cho tạm ứng tiếp dẫn đến tình trạng các Xi

KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2011
TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ HÀ NỘI
CÔNG TY XÂY DỰNG VÀ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ MỚI

		<p>nghiệp chiếm dụng vốn của Công ty trong nhiều năm nhưng không có khả năng hoàn trả. Các khoản công nợ nêu trên đã quá hạn thanh toán và cần phải trích lập bổ sung dự phòng nợ phải thu khó đòi theo quy định.</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Số dư tài khoản 331 – Phải trả nhà cung cấp tại thời điểm 31/12/2011 số tiền là 61.594.543.130 đồng. Các khoản công nợ phải trả nhà cung cấp trong năm không có biến động là 14.723.057.018 đồng. Theo biên bản làm việc của KTNN thì do quản lý công nợ lỏng lẻo thời điểm trước năm 2008 dẫn tới các đội, xí nghiệp tạm ứng tiền của Công ty nhưng không trả khách hàng dẫn tới khách hàng đòi nợ Công ty không có khả năng thanh toán. ▪ Số dư các khoản ứng trước cho nhà cung cấp số tiền là 2.364.440.956 đồng đã phát sinh từ các năm trước nhưng đến nay vẫn chưa có chứng từ hoàn về để làm cơ sở ghi nhận chi phí. <p>Khuyến nghị:</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Công ty cần thực hiện đối chiếu số dư các khoản công nợ phải thu, phải trả nhằm phát hiện chênh lệch và xử lý kịp thời. Công ty cần đôn đốc các tổ đội thực hiện hoàn ứng đối với các công trình đã hoàn thành và trả lại bằng tiền đối với những công trình tạm ứng thừa. ▪ Công ty cần thực hiện xử lý công nợ tồn đọng phải thu, phải trả theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC. <p>Ý kiến của Công ty:</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Đơn vị đã thực hiện việc trích lập dự phòng với các khoản công nợ phải thu phải trả trên trong phạm vi đánh giá mức độ thu hồi của đơn vị. Giá trị phải thu tạm ứng và phải thu khác Ban công nợ đã có kế hoạch phải thu được trong thời gian sớm nhất. ▪ Các khoản ứng trước cho nhà cung cấp có số dư đến 01/01/2011 và không có biến động đến 31/12/2011 hầu hết là các khoản công nợ cũ trước năm 2008 trở về trước. Công ty đang trong quá trình giải quyết các khoản công nợ phải thu phải trả cùng với ban công nợ Tổng Công ty
2	<p>Lương và các khoản trích theo lương</p>	<p>Thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Công ty hiện đang trích thiếu kinh phí công đoàn số tiền là 309.311.335 đồng (số đã trích là 277.747.000 đồng, số phải trích là 587.058.335 đồng). <p>Khuyến nghị:</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Công ty cần trích bổ sung kinh phí công đoàn số tiền là 309.311.335 đồng. <p>Ý kiến của Công ty:</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Dựa trên kế hoạch hoạt động phong trào của đơn vị cũng như chi phí trực tiếp của công trình phát sinh nên việc trích kinh phí Công đoàn năm 2011 là

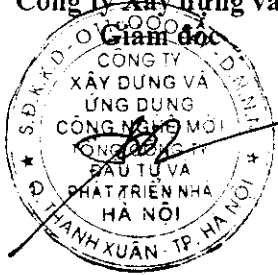
10/11
 -
 M.H
 T.T
 T.C
 M.

KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2011
TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ HÀ NỘI
CÔNG TY XÂY DỰNG VÀ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ MỚI

		277.747.000đồng, đề không làm ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2011.
3	Các vấn đề khác	<p>Thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Qua đối chiếu công nợ nội bộ giữa Công ty và Tổng Công ty, đoàn kiểm toán nhận thấy có sự chênh lệch giữa số liệu của Công ty và Tổng Công ty. Nguyên nhân do có sự chênh lệch hạch toán giữa 2 bên. ▪ Một số chỉ tiêu trên báo cáo tài chính của Công ty chưa được trình bày phù hợp theo quyết định 15/QĐ-BTC, cụ thể: Khoản ký quỹ ký cược ngắn hạn số tiền 70.000.000 đồng được phân loại trên chi tiêu các khoản phải trả khác. Khoản phải trả khác lãi vay cá nhân số tiền 8.178.165 đồng được phân loại trên chi tiêu phải trả dài hạn khác. <p>Khuyến nghị:</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Công ty cần thực hiện đối chiếu lại công nợ với Tổng Công ty để số dư công nợ nội bộ phản ánh 1 cách chính xác. ▪ Công ty cần trình bày báo cáo tài chính theo đúng hướng dẫn tại quyết định 15/QĐ-BTC. <p>Ý kiến của Công ty:</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Do thiết kế số tại phần mềm kế toán, nên chi tiêu được nhậ trên bảng cân đối kế toán vào các phần trên, đơn vị đã xem và có kế hoạch điều chỉnh nhưng do số liệu từ các năm trước xuyên suốt, nếu thiết kế lại số sẽ ảnh hưởng báo cáo tài chính của các năm trước. Do đây là ảnh hưởng không trọng yếu nên đơn vị đề nghị được giữ nguyên mẫu số.

PHỤ LỤC
 P.HT

Công ty Xây dựng và Ứng dụng Công nghệ mới
Kiểm toán trưởng



Nguyễn Đức Thắng

(Handwritten signature)

Phú Thị Kim Thu

Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2012

Công ty AASC
Trưởng đoàn

(Handwritten signature)

Đinh Xuân Cường

BẢNG TỔNG HỢP BÚT TOÁN ĐIỀU CHỈNH

Công ty Xây dựng và Ứng dụng công nghệ mới

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

STT	Số Ref	Nội dung	Số hiệu TK		Số tiền
			Nợ	Có	
1		Điều chỉnh khoản ký quỹ đơn vị phân loại trên khoản phải thu khác	144	1388a1	70,000,000
2		Điều chỉnh phải trả khác công ty theo dõi phải trả dài hạn khác	3388b2	3388b1	8,178,165
ĐIỀU CHỈNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2011					
1		Điều chỉnh chi phí chuyên tiền của Tổng Công ty đơn vị chưa ghi nhận	642	336b1	759,277
			154	336b1	2,360,000
2		CT20 chưa hạch toán bút toán chuyển công nợ phải trả Tổng Công ty sang nhận nợ Ban quản lý dự án 4	336b1	131b	2,604,067,693
3		Điều chỉnh hạch toán trùng hai lần bút toán hủy công nợ nội bộ với Tổng Công ty Công trình Cổ Loa	131b	336b1	268,780,228



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
100	A . TÀI SẢN NGẮN HẠN		74,470,849,925	72,555,562,577
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	688,179,687	8,534,230,489
111	1. Tiền		688,179,687	2,534,230,489
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	6,000,000,000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		3,695,852,481	5,240,542,004
131	1. Phải thu khách hàng		5,696,639,836	6,238,251,318
132	2. Trả trước cho người bán		3,672,924,414	4,733,245,007
135	3. Các khoản phải thu khác	4	9,575,281,201	9,518,038,649
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(15,248,992,970)	(15,248,992,970)
140	IV. Hàng tồn kho	5	57,186,668,048	44,881,521,741
141	1. Hàng tồn kho		57,186,668,048	44,881,521,741
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		12,900,149,709	13,899,268,343
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		149,961,082	149,961,082
158	2. Tài sản ngắn hạn khác	6	12,750,188,627	13,749,307,261
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		938,722,707	1,360,598,460
220	II . Tài sản cố định		343,694,255	653,433,072
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	343,694,255	653,433,072
222	- Nguyên giá		2,433,657,423	2,412,757,423
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2,089,963,168)	(1,759,324,351)
260	V. Tài sản dài hạn khác		595,028,452	707,165,388
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	7	595,028,452	707,165,388
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		75,409,572,632	73,916,161,037

SỐ
CỔ
CHÍNH
KIỂM
KIỂM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
			VND	VND
300	A . NỢ PHẢI TRẢ		98,289,245,130	96,289,490,217
310	I. Nợ ngắn hạn		98,268,036,090	96,268,281,177
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	7	6,544,384,907	5,538,708,164
312	2. Phải trả người bán		61,594,543,130	45,830,515,745
313	3. Người mua trả tiền trước		4,950,477,586	7,039,860,409
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	8	5,291,712,984	6,090,126,962
315	5. Phải trả người lao động		923,843,096	1,835,053,096
316	6. Chi phí phải trả	8	9,753,196,778	7,605,801,320
317	7. Phải trả nội bộ		8,287,507,226	19,961,666,397
319	8. Các khoản phải trả, phải nộp khác	8	1,229,050,383	2,337,354,084
320	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	335,875,000
323	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		(306,680,000)	(306,680,000)
330	II. Nợ dài hạn		21,209,040	21,209,040
336	1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		21,209,040	21,209,040
400	B . VỐN CHỦ SỞ HỮU		(22,879,672,498)	(22,373,329,180)
410	I. Vốn chủ sở hữu	8	(22,879,672,498)	(22,373,329,180)
420	1. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(22,879,672,498)	(22,373,329,180)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		75,409,572,632	73,916,161,037

1706
G T
M HỮU
TƯ V
KẾ TOÁN
TOÁN
-TP.Y

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2011

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
			VND	VND
1	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	9	150,442,385,813	163,671,112,625
2	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp		150,442,385,813	163,671,112,625
11	4. Giá vốn hàng bán	10	148,377,211,332	161,410,611,893
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp		2,065,174,481	2,260,500,732
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	11	102,877,434	253,928,415
22	7. Chi phí tài chính	12	314,821,188	76,559,001
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		<i>314,821,188</i>	<i>76,559,001</i>
24	8. Chi phí bán hàng		-	-
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		2,823,510,591	11,628,596,847
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh		(970,279,864)	(9,190,726,701)
31	11. Thu nhập khác		636,692,393	587,983,019
32	12. Chi phí khác		172,755,847	195,352,794
40	13. Lợi nhuận khác		463,936,546	392,630,225
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(506,343,318)	(8,798,096,476)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	13	-	-
60	16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh		(506,343,318)	(8,798,096,476)
70	17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu			

